

Bản án số: **28/2022/DS-ST**

Ngày: 04 - 8 - 2022.

V/v tranh chấp: *Hợp đồng dân sự
vay tài sản giữa bà Ng và bà L.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Sáu**

2. Bà **Nguyễn Thị Tài**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **04** tháng **8** năm **2022** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 193/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm: 1964. Địa chỉ: Thôn 9, xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có mặt*).

* **Bị đơn:** Bà **Trần Thị Kim L**, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Thôn 9, xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có mặt*).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Uông Ngọc Q**, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Do có quen biết với nhau nên vào tháng 12/2016 bà Ng có cho bà L vay số tiền 108.000.000đ, thời hạn trả tháng 12/2019, lãi suất thỏa thuận 2%. Ngoài ra, vào tháng 3/2013 bà Ng có cho bà L vay 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 2,11 chỉ. Đến hạn, mặc dù bà Ng đã đòi nhiều lần nhưng bà L vẫn không trả nợ. Vì vậy, bà Ng khởi kiện yêu cầu bà L phải trả lại số tiền gốc còn nợ là 108.000.000đ và 2,11 chỉ vàng 18K và yêu cầu tính lãi suất trên số tiền vay theo quy định của pháp luật 0,83%/tháng kể từ ngày vay cho đến nay.

* *Bị đơn bà Trần Thị Kim L trình bày:* Bà L không đồng ý với lời trình bày của

bà Ng về việc vay số tiền gốc là 108.000.000đ mà cho rằng trong số tiền này gồm 40.000.000đ tiền gốc vay và 68.000.000đ tiền lãi. Ngày 23/8/2020 do bà Ng thuê ông Q đòi nợ nên bà L đã trả cho ông Q số tiền 20.000.000đ và trả tiền mặt là 15.000.000đ, tổng cộng đã trả được số tiền 35.000.000đ. Vì vậy, bà L chỉ đồng ý trả cho bà Ng số tiền gốc là 73.000.000đ, không đồng ý trả lãi. Đối với số vàng 2,11 chỉ vàng 18K mà bà Ng yêu cầu thì bà L không đồng ý vì cho rằng bà L đã trả cho bà Ng xong nhưng không lấy lại giấy biên nhận.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Uông Ngọc Q trình bày: Ông Q được bà Ng ủy quyền tiến hành đòi nợ của bà Trần Thị L. Sau nhiều lần làm việc thì bà L đã trả được 20.000.000đ, ông Q đã thông báo cho bà Ng đến để ký hợp đồng và nhận tiền phần trăm nhưng bà Ng không đến. Ông Q đề nghị Tòa án tách ra để giải quyết bằng một vụ kiện khác.*

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ng có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bà Trần Thị Kim L. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Uông Ngọc Q vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về nội dung:

Do quen biết nên bà Ng có cho bà L vay số tiền là 108.000.000đ và 2,11 chỉ vàng 18K. Đến hạn, mặc dù bà Ng đã đòi nhiều lần nhưng bà L vẫn không trả nợ nên hai bên đã xảy ra tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Ng đã cung cấp cho Tòa án bản chính 01 giấy vay tiền ghi tháng 12/2016 có chữ ký của bà L và 01 bản chính Biên nhận cầm vàng ghi ngày 29/3/2013.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự thì thấy rằng: Việc bà Ng và bà L có giao dịch dân sự với nhau bằng việc cho vay tiền là có thật. Quá trình giao dịch, hai bên đã thể hiện bằng giấy tờ cụ thể, bà L ký tên vào giấy mượn tiền. Bà L cho rằng trong số tiền 108.000.000đ ghi trong giấy mượn tiền gồm có 40.000.000đ tiền gốc và 68.000.000đ tiền lãi nhưng bà Ng không thừa nhận và bà L cũng không có chứng cứ gì để chứng minh. Căn cứ theo tài liệu chứng cứ mà bà L cung cấp và lời khai của ông Q thì vào ngày 23/8/2020 bà L đã giao cho ông Q số tiền

20.000.000đ nhưng ông Q chưa giao lại cho bà Ng, bà Ng không thừa nhận việc thuê ông Q đòi nợ thuê, giữa bà Ng và ông Q cũng không có hợp đồng nào thể hiện việc bà Ng thuê ông Q đòi nợ thay. Mặt khác, bà L khai có trả tiền mặt cho bà Ng số tiền 15.000.000đ nhưng bà L không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh. Vì vậy, bà Ng khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 108.000.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền 20.000.000đ mà bà L đã giao cho ông Q nhưng ông Q chưa giao lại cho bà Ng nên nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu trả 2,11 chỉ vàng 18K của bà Ng thì thấy rằng: Căn cứ vào giấy biên nhận do bà Ng cung cấp thể hiện nội dung bà L cầm vàng cho tiệm vàng Kim Huân trong thời hạn từ ngày 29/3/2013 đến ngày 29/4/2013 chứ không thể hiện nội dung gì liên quan đến việc bà Ng cho bà L vay số vàng này. Bà L cũng thừa nhận vào năm 2013 bà có vay vàng của bà Ng nhưng đã trả đầy đủ vào năm 2020. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của bà Ng.

- *Về lãi suất:* Trong giấy vay tiền hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ vào tháng 12/2019 và lãi suất vay là 2%/tháng; bà Ng yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày vay đến nay; tiền lãi được tính từ tháng 12/2016 nhưng do các đương sự không ghi rõ ngày vay nên căn cứ Điều 146 Bộ luật dân sự để tính lãi suất từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 67 tháng 04 ngày. Về mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tương đương 20%/năm : 12 tháng = 1,66%/tháng nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Ng chỉ yêu cầu tính lãi suất theo mức 0,83%/ tháng nên được chấp nhận. Tiền lãi được tính cụ thể như sau: 108.000.000đ x 67 tháng 04 ngày x 0,83%/tháng = 60.178.000đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 168.178.000đ.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ng đối với bà L; Buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho bà Ng tổng số tiền là 168.178.000đ; trong đó: tiền gốc là 108.000.000đ, tiền lãi là 60.178.000đ.

[3]- Về án phí: Bà L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể là 168.178.000đ x 5% = 8.408.900đ.

Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật đối với số vàng không được chấp nhận là 7.982.000đ x 5% = 399.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng đối với bà Trần Thị Kim L về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc bà Trần Thị Kim L phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ng tổng số tiền là 168.178.000đ (*Một trăm sáu mươi tám triệu một trăm bảy mươi tám ngàn đồng*); trong đó: tiền gốc là 108.000.000đ, tiền lãi là 60.178.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí:

Bà Trần Thị Kim L phải chịu 8.408.900đ (*Tám triệu bốn trăm linh tám ngàn chín trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 399.000đ (*Ba trăm chín mươi chín ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.245.000đ (*Bốn triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004206 ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị Ng được nhận lại số tiền 3.846.000đ (*Ba triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí thừa.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/8/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường

